

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AIMAX**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AIMAX

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AIMAX TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AIMAX JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110845257

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 508.3, Tầng 5, Tòa nhà Dreamland Bonanza, số 23 Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh:<br>+ Động cơ,<br>+ Dụng cụ máy,<br>+ Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu,<br>+ Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn,<br>+ Thiết bị sản xuất điện ảnh,<br>+ Thiết bị đo lường và điều khiển,<br>+ Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác;<br>- - Cho thuê thiết bị vận tải đường bộ (trừ xe có động cơ) không kèm người điều khiển:<br>+ Mô tô, xe lưu động, cắm trại...,<br>+ Động cơ tàu hỏa;<br>- Cho thuê container;<br>- Cho thuê palet;<br>- Cho thuê động vật (như vật nuôi, ngựa đua). | 7730(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 2.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2610 |
| 3.  | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2720 |
| 4.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2732 |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610 |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651 |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652 |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659 |
| 9.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4741 |
| 10. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4759 |
| 11. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4799 |
| 12. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5820 |
| 13. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6311 |
| 14. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6312 |
| 15. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6810 |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6820 |

|     |                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo thuốc lá)                      | 7310 |
| 18. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo) | 8230 |

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                                          | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | HOÀNG TIẾN<br>THÀNH | Căn hộ chung cư<br>số 214, Tòa nhà<br>CT6 – Khu đô thị<br>mới Văn Khê,<br>đường Tô Hữu,<br>Phường La Khê,<br>Quận Hà Đông,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 150.000       | 1.500.000.000            | 50,000       | 0010830394<br>95                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                                                                             | Tổng số                            | 150.000       | 1.500.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                                                            |                                    |        |             |        |                  |
|---|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 2 | LÊ THỊ LINH       | Thôn Cao Cường,<br>Xã Đông Quang,<br>Huyện Ba Vì,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000 | 600.000.000 | 20,000 | 0011940448<br>65 |
|   |                   |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                            | Tổng số                            | 60.000 | 600.000.000 | 20,000 |                  |
|   |                   |                                                                                                                            |                                    |        |             |        |                  |
| 3 | ĐẶNG XUÂN<br>SUỐT | Số nhà 37, đường<br>số 1, Khu nhà ở<br>Hương Sen 2,<br>Phường An Bình,<br>Thành phố Dĩ An,<br>Tỉnh Bình Dương,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 90.000 | 900.000.000 | 30,000 | 0010930210<br>90 |
|   |                   |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                                                                            | Tổng số                            | 90.000 | 900.000.000 | 30,000 |                  |
|   |                   |                                                                                                                            |                                    |        |             |        |                  |

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

\* Họ và tên: HOÀNG TIẾN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 03/11/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083039495

Ngày cấp: 12/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn Phương Khê, Xã Phú Phương, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ chung cư số 214, Tòa nhà CT6 – Khu đô thị mới Văn Khê, đường Tố Hữu, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội